TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG SƠN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2023/HNGĐ
Ngày: 19/4/2023
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Tố Như
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Hoàn Sinh
Ông Nguyễn Hữu Sáu

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lại Thị Minh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn:*** Không tham gia.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại Toà án nhân dân huyện Đông Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 102/2022/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023, về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXX-ST ngày 30 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Đức B, sinh năm: 1968; Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn RT, huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa (có mặt);

Bị đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm: 1969; Địa chỉ: Thôn KB, xã ĐT, huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 12 năm 2022 và trình bày của nguyên đơn ông Đỗ Đức B:

- Về hôn nhân: Ông B và bà Lê Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức hôn lễ vào ngày 06/10/1996 nhưng do hoàn cảnh gia đình nên đến ngày 16/02/2009 vợ chồng mới đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐT, huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên căng thẳng và cãi vã lẫn nhau, đã được gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Vợ chồng sống ly thân đã 03 năm. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông B đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lê Thị L.

- Về con: Ông B và bà Lê Thị L có 01 con chung là Đỗ Đức P, sinh năm: 1997, anh P đã trưởng thành nên ông Bình không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn:

Theo bản tự khai ngày 01/3/2023 quan điểm của bà Lê Thị L:

- Về hôn nhân: Bà L cũng thống nhất với phần trình bày của ông Bình về thời gian và điều kiện kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có cùng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống hôn nhân căng thẳng. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2019. Nay ông B xin ly hôn bà Loan cũng đồng ý.

- Về con: Bà L thống nhất như lời trình bày của ông Bình. Hiện tại anh Phương đã trưởng thành nên bà Loan không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Bà L thống nhất như lời trình bày của ông Bình.

- Về công nợ: Bà L cũng thống nhất như lời trình bày của ông Bình.

3. Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án xử cho ly hôn với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn ông Đỗ Đức B và bị đơn bà Lê Thị L là: Tranh chấp về Ly hôn. Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Thôn KB, xã ĐT, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã triệu tập bà Lê Thị L đến làm việc nhưng bà L vắng mặt. Bà L có đơn xin giải quyết vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và xin vắng mặt trong tất cả các buổi xét xử ly hôn.Yêu cầu xét xử vắng mặt của bà L là tự nguyện phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về nội dung:

* Về quan hệ hôn nhân*:* Ông Đỗ Đức B và bị đơn Lê Thị L kết hôn trên cơ sở hai người tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐT, huyện Đông Sơn, Thanh Hóa vào ngày 16/02/2009. Như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra va chạm. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không có trách nhiệm gì với nhau. Tình cảm vợ chồng giữa ông B và bà L đã hoàn toàn tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được. Khi ông B xin ly hôn thì bà L cũng không thiết tha níu kéo mà có thái độ bỏ mặc. Như vậy chứng tỏ cuộc sống hôn nhân của vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên, HĐXX nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của ông Đỗ Đức B là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

* Về con: Ông Đỗ Đức B và bà Lê Thị L đều trình bày thống nhất: Vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Đức P, sinh năm 1997 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

* Về tài sản và công nợ: Ông Đỗ Đức B và bà Lê Thị L đều trình bày thống nhất: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3]. Về án phí: Ông Đỗ Đức B là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; các Điều 271; 273; 278; 280 của BLTTDS; các Điều 51; 56; 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Đức B đối với bị đơn bà Lê Thị L.

Xử: Vắng mặt bà Lê Thị L

1. Về hôn nhân: Xử cho ông Đỗ Đức B được ly hôn bà Lê Thị L.

2. Về án phí: Buộc ông Đỗ Đức B phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2021/0005667 ngày 28/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Chấp nhận đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Đỗ Đức B được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bà Lê Thị L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã ĐT, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đông Sơn;
- Các đương sự;
- UBND xã ĐT;
-Thi hành án;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Tố Như